

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự - vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Th - sinh năm: 1989. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Văn Đ - sinh năm: 1992. Có mặt.

Chị Thị Sam B - sinh năm: 1994. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Dương Thị Đ1 - sinh năm: 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã V1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Chị Dương Thị Mỹ V - sinh năm: 1983. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ1, huyện G2, tỉnh Kiên Giang.

- Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn Tr - Sinh năm: 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Kim Th trình bày: Vào ngày 17/4/2018, chị có cho anh Dương Văn Đ mượn 02 chỉ vàng 24k (98%) và 1.000.000 đồng để làm chi phí điều trị bệnh cho mẹ anh Đ, chỉ nói khi nào có tiền trả chứ không thỏa thuận thời hạn trả, anh Đ có ghi vào sổ của chị xác Đ có lấy 02 chỉ vàng và 1.000.000 đồng. Ngày 15/11/2018, chị Thị Sam B (vợ anh Đ) có gặp chị mượn số tiền 2.000.000 đồng. Việc mượn tiền này do chị B ghi biên nhận nợ vào sổ của chị. Sau 01 năm, Chị có yêu cầu vợ chồng anh Đ trả nợ thì anh Đ nói không có mượn. Chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Đ - chị B phải trả 02 chỉ vàng (24K, loại 98%) và 3.000.000 đồng, yêu cầu trả tiền lãi đối với phần nợ tiền theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 15/11/2018 cho đến nay.

Tại phiên tòa, chị Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ tiền 1000.000 đồng do anh Đ không thừa nhận. Chị Th yêu cầu anh Đ - chị B trả 02 chỉ vàng (24K, loại 98%) và số tiền là 2.000.000 đồng mà chị B đã ký nhận.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn – anh Dương Văn Đ, chị Thị Sam B trình bày:

Anh Đ và chị B xác Đ có sự việc mượn vàng vào ngày 17/4/2018 nhưng do chị Dương Thị Mỹ V (là chị ruột của anh Đ) hỏi mượn của ông Sáu Tr (là cha của chị Th) chứ anh Đ không hỏi mượn vàng của chị Th. Anh Đ là người Tr tiếp qua gặp chị Th nhận vàng. Sau đó khoản 01 tuần, chị Dương Thị Mỹ V có mang vàng đến nhà trả cho ông Sáu Tr 02 chỉ vàng 24K (loại 98%), sự việc mượn tiền thì anh Đ không có mượn 1.000.000 đồng theo chứng cứ chị Th cung cấp cho Tòa án, anh thừa nhận chữ viết của anh về việc mượn 02 chỉ vàng 24K, anh không thừa nhận chữ viết mượn 1.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, chị B thừa nhận có đến gặp chị Th để nhận số tiền là 2.000.000 đồng nhưng người trực tiếp hỏi mượn là chị Dương Thị Đ2 (là chị ruột của anh Đ) kêu chị qua nhận thay vì lúc này mẹ chồng đang bệnh, chị Th yêu cầu chị phải viết giấy nhận tiền thì chị viết, sau đó chị Đ2 đã trả nợ xong cho chị Th. Nay chị Th khởi kiện yêu cầu anh chị phải trả số vàng là 02 chỉ 24K (loại 98%) và 3.000.000 đồng thì anh chị không đồng ý do đã trả nợ xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Dương Thị Đ2 trình bày: Chị Đ2 xác Đ có sự việc hỏi mượn tiền 2.000.000 đồng nhưng mượn của ông Tr, không nhớ ngày tháng năm hỏi mượn. Chị có nhờ chị B đến gặp chị Th để nhận tiền, sau đó khoảng mấy tháng thì chị đã trả cả tiền gốc và lãi xong cho ông Tr, không nhớ ngày tháng năm trả, hiện không có chứng cứ gì lưu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Dương Thị Mỹ V trình bày: Chị Đ2 xác Đ có sự việc hỏi mượn 02 chỉ vàng 24K (loại 98%) nhưng mượn của ông Tr, chị có kêu Đ qua gặp chị Th nhận vàng, hiện đã trả xong không nhớ ngày tháng năm hỏi

mượn và trả, không biết sự việc anh Đ có làm biên nhận nợ với chị Th. Hiện không có chứng cứ gì lưu giữ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy Đ của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, thời hạn đưa ra xét xử còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm. Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa hôm nay đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa anh Đ – chị B cùng xác Đ sự việc vào ngày 17/4/2018 (âm lịch), chị Th có đưa cho anh Đ mượn số vàng là 02 chỉ vàng 24k (98%), khi nhận vàng thì anh Đ có viết giấy “17.04.2018 Đ lấy 2 chỉ vàng”. Ngày 15/11/2018 (âm lịch), chị B có gặp chị Th mượn số tiền 2.000.000 đồng, khi nhận tiền thì chị B có ghi “15,11,18, vợ Đ lay tiền 2 chỉ, vợ Đinh” vào sổ do chị Th lưu giữ. Chị V và chị Đ2 thừa nhận có mượn vàng và tiền của ông Tr nhưng các chị cũng không xác Đ được ngày tháng năm mượn và ngày tháng năm trả tiền là ngày nào, không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Anh Đ và chị B không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ xong. Ông Tr xác Đ số vàng và tiền như lời trình bày của chị V và chị Đ2 trình bày là các khoản vay khác đã thanh toán xong trước đó và không có tranh chấp gì, khoản vay chị Th kiện anh Đ – chị B không liên quan. Xét thấy anh Đ - chị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay do đó chị Th khởi kiện yêu cầu anh Đ - chị B phải trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc anh Đ - chị B phải trả cho chị Th số vàng gốc là 02 chỉ vàng 24K (loại 98%) và số tiền vay gốc 2.000.000. Đối với yêu cầu tính lãi của chị Th đối với số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 15/11/2018 (âm lịch) cho đến khi xét xử là có căn cứ và phù hợp với quy Đ tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Th khởi kiện yêu cầu anh Đ và chị B phải trả số vàng và tiền vay còn thiếu nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy Đ tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Thị Sam B có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt không tham gia phiên tòa do phải sinh con nhỏ. Xét thấy chị B đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th, sự vắng mặt của chị không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B.

[2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cùng xác định sự việc vào ngày 17/4/2018 (âm lịch), chị Th có đưa cho anh Đ mượn số vàng là 02 chỉ vàng 24k (98%), khi nhận vàng thì anh Đ có viết giấy “17.04.2018 Đ lấy 2 chỉ vàng” vào sổ do chị Th lưu giữ.

Ngày 15/11/2018 (âm lịch), chị B có gặp chị Th mượn số tiền 2.000.000 đồng, khi nhận tiền thì chị B có ghi “15,11,18, vợ Đ lay tiền 2 triệu, vợ Đình” vào sổ do chị Th lưu giữ.

Anh Đ và chị B thừa nhận có nhận vàng và tiền theo các biên nhận mà chị Th cung cấp nhưng thực tế số vàng do chị Dương Thị Mỹ V và số tiền do Dương Thị Đ2 hỏi mượn tiền của ông Tr và kêu anh chị qua gặp chị Th nhận thay, hiện các số tiền và vàng mượn đã trả xong.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Tr và tại phiên tòa, ông Tr xác Đ ông không có nhận vàng và tiền trả từ các khoản vay của chị Th với vợ chồng anh Đ hay người nhà của anh Đ. Từ trước đến nay gia đình ông thường xuyên cho gia đình anh Đ - chị B mượn tiền do mẹ anh Đ thường xuyên bị bệnh, số vàng và tiền như lời trình bày của chị V và chị Đ2 trình bày là các khoản vay khác và các khoản này đã thanh toán xong trước đó và không có tranh chấp gì, sau các lần trả tiền chị Đ2 đều lấy lại biên nhận nợ. Đối với sự việc chị Th khởi kiện ông xác Đ là sự thật, các khoản vay của chị Th cho vợ chồng anh Đ thì ông có kêu chị Th làm giấy tờ cẩn thận, đề phòng tranh chấp phát sinh, ông xác Đ lời trình bày của chị Đ2, chị V và vợ chồng anh Đ - chị B là không đúng.

Chị V và chị Đào thừa nhận có mượn vàng và tiền của ông Tr nhưng các chị cũng không xác Đ được ngày tháng năm mượn và ngày tháng năm trả tiền là ngày nào, không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Tòa án đã tiến hành thông báo cho anh Đ và chị B cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ xong nhưng anh chị không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án và căn cứ biên bản hòa giải ngày 08/11/2019 của tổ hòa giải ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Phú thì các bên đương sự thừa nhận sự việc anh Đ có nhận 02 chỉ vàng và chị B có nhận 2.000.000 đồng trên nên có căn cứ xác định đây là sự thật. Hợp đồng giữa các bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể nên đây là loại hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy anh Đ - chị B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, chị Th khởi kiện yêu cầu anh Đ - chị B phải trả nợ là có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của chị Th đối với số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 15/11/2018 (âm lịch) tức là ngày 21/12/2018 cho đến khi xét xử là có căn cứ và phù

hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, cụ thể là 2.000.000 đồng x 10%/01 năm x 02 năm 24 ngày = 413.000 đồng

Tại phiên tòa, chị Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ tiền 1000.000 đồng, xét thấy yêu cầu của chị Th là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ tiền 1.000.000 đồng đối với anh Đ.

Từ những phân tích trên, áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc anh Đ - chị B phải trả cho chị Th số vàng gốc là 02 chỉ vàng 24K (loại 98%) và số tiền vay gốc 2.000.000 và tiền lãi là 413.000 đồng.

Ngoài ra, để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Đ – chị B không trả đủ tiền thì anh chị còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

- Yêu cầu khởi kiện của **chị Th** được Tòa án chấp nhận nên **chị** không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho **chị Th** là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003141 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

- Anh Đ - chị B phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả, cụ thể là: $[(5.300.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ chỉ}) + 2.413.000 \text{ đồng}] \times 5\% = 650.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng **khoản 4 Điều 11, Điều 466, khoản 2 Điều 470**, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Th đối với anh Dương Văn Đ và chị Thị Sam B.

2. Buộc anh Dương Văn Đ và chị Thị Sam B phải liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kim Th số vàng là 02 chỉ vàng 24K (Loại 98%), số tiền vay gốc là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và tiền lãi là 413.000 đồng (*Bốn trăm mười ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, nếu anh Đ - chị B không trả đủ tiền thì anh chị còn

phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ tiền 1.000.000 đồng của chị Th đối với anh Đ.

2. Về án phí:

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho **chị Th** là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003141 ngày 19/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

- Anh Đ - chị B phải chịu án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả, cụ thể là: $[(5.300.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ chỉ}) + 2.413.000 \text{ đồng}] \times 5\% = 650.000 \text{ đồng}$ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/01/2021. Chị B được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Th hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An